

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp D, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hồng S, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hồng S chung sống với nhau từ năm 2018, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị phát sinh mâu thuẫn từ khi chung sống đến nay nguyên nhân do anh S vướng vào tệ nạn xã hội sử dụng ma túy. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh S không thay đổi, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hồng S.

- Về con chung: Chị và anh Lê Hồng S có 01 người con chung là Lê Hồng N, sinh ngày 09/12/2020. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hồng S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận những lời trình bày của chị Nguyễn Thị H về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H thường xuyên tụ tập bạn bè, uống rượu và đưa cháu N đi cùng nhưng không quan tâm chăm sóc cho cháu nên vợ chồng có gây gỗ, cãi nhau. Anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị H không thay đổi. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 01 người con chung như lời trình bày của chị H là đúng. Anh đồng ý giao cháu Lê Hồng N cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Hồng S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hồng S là vợ chồng;

Về con chung: Giao cháu Lê Hồng N, sinh ngày 09/12/2020 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ghi nhận chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hồng S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018. Chị H, anh S có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hồng S có 01 người con chung tên Lê Hồng N, sinh ngày 09/12/2020. Hiện nay cháu N còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi; chị H và anh S thỏa thuận giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đảm bảo quyền lợi và phù hợp với lợi ích của con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hồng S không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H với anh Lê Hồng S. Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hồng S không có quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hồng N, sinh ngày 09/12/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Lê Hồng S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Lê Hồng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hồng S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003729 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Hồng S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Hải